TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 37/2023 /HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ánh Dương và bà Hà Thị Hằng;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ Ngày 04/7/2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023 /QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị La Thị T, sinh năm 2002.

ĐKHKTT: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai:

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

- Người làm chứng:

+ Ông La Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

+ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai;

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị La Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Hoàng Văn C vào ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai, sau khi kết hôn về chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai vợ chồng không có cùng chung quan điểm sống, bất đồng về tính cách dẫn đến những lần cãi vã, to tiếng. cãi chửi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là đầu năm 2023, sau khi cãi nhau, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã D, huyện V sinh sống và sống ly thân nhau, bỏ mặc nhau về tình cảm cũng như về kinh tế. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải, hòa giải nhưng không thành, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc,mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

Về con chung: Chị La Thị T xác định anh chị không ai có con riêng, vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 08/10/2020 và cháu Hoàng Minh H, sinh ngày 28/10/2022. Hiện nay cháu Tuấn A đang ở cùng anh C, còn cháu Minh H đang ở cùng chị tại thôn B, xã D, huyện V, tỉnh Lào Cai. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Minh H, còn cháu Hoàng Tuấn A giao cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến khi 02 cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị La Thị T xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị La Thị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Hoàng Văn C:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Văn C nhưng anh đều từ chối nhận các văn bản và không trình bày lý do. Bản thân anh C đã biết việc chị T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh, nhưng anh C không lên Tòa án làm việc. Anh C cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại thôn, bản và chính quyền địa phương xác định: Về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng như lời trình bày của chị La Thị T là đúng.

Ngày 24/8/2023, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối với nguyên đơn chị La Thị T có mặt, bị đơn anh Hoàng Văn C vắng mặt không có lý do. Chị La Thị T có đơn đề nghị Tòa

án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa:

- Nguyên đơn chị La Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Hoàng Văn C vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; 227; 228; 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị La Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

- Về con: Giao chị La Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh H, sinh ngày 28/10/2022; Giao anh Hoàng Văn C tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 08/10/2020, đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị La Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn với anh Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1997. Nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị La Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị T và anh Hoàng Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/4/2021 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đỉnh điểm là đầu năm 2023 vợ chồng cãi nhau, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã D sinh sống. Chị T và anh C sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Mặc dù mẫu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình khuyên giải, nhưng anh chị vẫn không hàn gắn được cuộc sống chung vợ chồng. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Nên chị T đề nghị xin được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

Đối với anh Hoàng Văn C: Quá trình giải quyết vụ án anh không có ý kiến, quan điểm gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn chị La Thị T, lời khai của người làm chứng; xác minh tại chính quyền địa phương để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định: Giữa chị La Thị T và anh Hoàng Văn C có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong hôn nhân, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thị T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 08/10/2020 hiện nay đang ở cùng anh C; còn cháu Hoàng Minh H, sinh ngày 28/10/2022 hiện nay đang ở cùng chị T. Hiện tại chị T và anh C đều là lao động tự do tại địa phương có thu nhập bình quân là 4.000.000 đồng/ tháng.

Từ khi vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023 thì anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Tuấn A, chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh H. Chị T và anh C vẫn nuôi dạy các cháu đảm bảo đầy đủ các điều kiện ăn, ở, học hành, sinh hoạt cho các cháu. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu và phù hợp với nguyện vọng của đương sự cần tiếp tục giao cháu Hoàng Tuấn A cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu Hoàng Minh H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp và đúng pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị La Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị La Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn C.

- Về con chung: Anh Hoàng Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Tuấn A, sinh ngày 08/10/2020 cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi; Chị La Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Minh H, sinh ngày 28/10/2022 cho đến khi cháu Minh H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị La Thị T và anh Hoàng Văn C không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị La Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 ^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004490 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị La Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa